TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUỲNH PHỤ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2025/HNGĐ-ST
Ngày 30- 5 - 2025
"V/v *ly hôn giữa ông K và bà T*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên
Các Hội thẩm nhân dân: 1.Ông Đinh Thế Cần;
2.Bà Nguyễn Thị Hường.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Minh Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình *tham gia phiên toà:* Bà Bùi Thị Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 269/2024/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2024, về việc "*Tranh chấp ly hôn"*, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2025, quyết định hoãn phiên toà số 17/2025/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2025 và quyết định hoãn phiên toà số 25/2025/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn**:** Ông Nguyễn Đức K, sinh năm 1972
- Bị đơn: Bà Dương Thị T, sinh năm 1974
Cùng nơi cư trú: Thôn L, xã V, huyện P, tỉnh Thái Bình.
(*Tại phiên tòa có mặt các đương sự)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hoà giải và tại phiên toà nguyên đơn ông Nguyễn Đức K trình bày**:**

Về quan hệ hôn nhân: Ông bà bà Dương Thị T tự do, tự nguyện tìm hiểu dẫn đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại uỷ ban nhân dân xã V vào ngày 24/12/1991. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại gia đình ông. Quá trình chung sống đến năm 2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu

thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, không thương yêu thông cảm cho nhau, dẫn đến vợ chồng thường xuyên xích mích, xô xát. Mâu thuẫn căng thẳng vào tháng 7/2019 thì vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng giữa ông và bà T không còn, ông xin ly hôn bà T.

Về con chung: Ông và bà Dương Thị T có 03 con chung là Nguyễn Đức H sinh ngày 05/5/1993, Nguyễn Thị T và Nguyễn Thị T2 cùng sinh ngày 23/02/2005. Ly hôn, các con chung đều đã trưởng thành nên không đặt ra trách nhiệm nuôi dưỡng.

Về tài sản: Ông không yêu cầu Toà án giải quyết.

***Tại bản tự khai, biên bản hoà giải và tại phiên toà bị đơn bà Dương Thị T trình bày*:**

Về quan hệ hôn nhân: Bà xác định thời gian, địa điểm, hoàn cảnh kết hôn, thời gian mâu thuẫn và thời gian vợ chồng ly thân như ông Nguyễn Đức K đã trình bày là đúng. Theo bà, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông K có biểu hiện không chung thuỷ, không tôn trọng gia đình, vợ, con. Nay ông K có đơn xin ly hôn, bà xác định tình cảm vợ chồng giữa bà và ông K vẫn còn, bà không đồng ý ly hôn ông K. Tại phiên toà bà có quan đểm nếu ông K một mực xin ly hôn thì bà cũng đồng ý.

Về con chung: Bà xác nhận vợ chồng có 03 con chung như ông Nguyễn Đức K đã trình bày là đúng. Nếu ly hôn, các con chung đều đã trưởng thành nên không đặt ra trách nhiệm nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Toà án giải quyết.

Kết quả xác minh với cơ sở Thôn L, xã An Vinh thấy:

Ông Nguyễn Đức K và bà Dương Thị T là vợ chồng. Quá trình chung sống và nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng cơ sở thôn không nắm rõ chỉ biết do vợ chồng không hợp nhau, không thương yêu thông cảm cho nhau, hiện tại vợ chồng đã ly thân. Nay ông K có đơn xin ly hôn bà T, cơ sở thôn đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật. Ông Nguyễn Đức K và bà Dương Thị T có 03 con chung là Nguyễn Đức Hsinh ngày 05/5/1993, Nguyễn Thị Tvà Nguyễn Thị T2 cùng sinh ngày 23/02/2005. Ly hôn, các con chung đều đã trưởng thành nên không đặt ra trách nhiệm nuôi dưỡng. Về tài sản: cơ sở thôn không nắm rõ.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình về giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của các đương sự đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51 và Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Đức K

và bà Dương Thị T; Về nuôi con chung: Ông Nguyễn Đức K và bà Dương Thị T có 03 con chung là Nguyễn Đức H sinh ngày 05/5/1993, Nguyễn Thị T và Nguyễn Thị T2 cùng sinh ngày 23/02/2005, các con chung đều đã trưởng thành nên không đặt ra trách nhiệm nuôi dưỡng; Về tài sản: Không đặt ra giải quyết; Về án phí: Ông K nhận chịu cả tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, kiểm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Ông Nguyễn Đức K khởi kiện ly hôn với bà Dương Thị T. Do bà T là bị đơn cư trú Thôn L, xã V, huyện P nên Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa theo quy định tại Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Đức K và bà Dương Thị T là vợ chồng, được Uỷ ban nhân dân xã An Vinh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 57 ngày 24/12/1991 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống đến đầu năm 2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, không thương yêu thông cảm cho nhau, bà T nghi ngờ ông K không chung thuỷ. Mâu thuẫn căng thẳng tháng 7/2019, thì vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Nay ông K xác định tình cảm vợ chồng giữa ông và bà T không còn, ông xin ly hôn bà T, bà T xác định tình cảm vợ chồng giữa bà và ông K vẫn còn bà không nhất trí ly hôn ông K nhưng nếu ông K một mực xin ly hôn thì bà cũng đồng ý. Toà án tiến hành hoà giải nhưng không có kết quả, hiện tại vợ chồng vẫn sống ly thân, không ai quan tâm đến ai, điều đó cho thấy tình trạng hôn nhân của ông ông K và bà T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không đạt được, hôn nhân của ông bà chỉ tồn tại về mặt hình thức nên cần áp dụng Điều 51 và Điều 55 của Luật Hôn nhân gia đình xử công nhận thuận tình ly hôn giữa ông K và bà T.

[3] Về con chung: Ông Nguyễn Đức K và bà Dương Thị T có 03 con chung là Nguyễn Đức Hsinh ngày 05/5/1993, Nguyễn Thị Tvà Nguyễn Thị T2cùng sinh ngày 23/02/2005. Ly hôn, các con chung đều đã trưởng thành nên không đặt ra trách nhiệm nuôi dưỡng.

[4] Về tài sản: Ông Nguyễn Đức K và bà Dương Thị T đều không yêu cầu Toà án giải quyết nên về tài sản Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí: Ông Nguyễn Đức K phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Về quyền kháng cáo: Ông Nguyễn Đức K và bà Dương Thị T có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51 và Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1.Về quan hệ hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Đức K và bà Dương Thị T.

2.Về con chung: Ông Nguyễn Đức K và bà Dương Thị T có 03 con chung là Nguyễn Đức Hsinh ngày 05/5/1993, Nguyễn Thị Tvà Nguyễn Thị T2 cùng sinh ngày 23/02/2005. Các con chung đều đã trưởng thành nên không đặt ra trách nhiệm nuôi dưỡng.

3.Về tài sản: Hội đồng xét xử không giải quyết.

4.Về án phí: Ông Nguyễn Đức K nhận chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền 300.000 đồng ông K đã nộp theo biên lai thu số 0004977 ngày 17 tháng 12 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ được chuyển thành tiền án phí.

5.Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn ông Nguyễn Đức K và bị đơn bà Dương Thị T có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND huyện Quỳnh Phụ;*
- *TAND tỉnh Thái Bình;*
- *Chi cục thi hành án dân sự h.Quỳnh Phụ;*
- *Nơi ĐKKH: UBND xã V;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Duyên